

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2023/DSST-HNGĐ

Ngày: 16 / 6 /2023

V/v “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Đình Hồng; Ông Đỗ Đức Thẩm
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn: Bà Đỗ Thị Minh- Kiểm sát viên.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 28/2023 /TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/QĐXX-HNGĐ ngày 15 / 5 /2023, quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị T T H sinh năm 1989

Trú tại: Khu phố Đ , phường Đ , thị xã B , tỉnh T
(có mặt)

2.Bị đơn: Anh N V Q sinh năm 1987

Trú tại: Khu phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh T.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 / 02 /2023 , bản tự khai ngày 17 tháng 3 năm 2023, bản tự khai bổ sung ngày 23/5/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị T T H trình bày: Chị và anh N V Q kết hôn với nhau vào năm 2012 đăng ký tại UBND phường Đ , thị xã B , tỉnh T. Hai bên đến với nhau hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến vài năm lại đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống và việc nuôi dạy con cái, vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã. Năm 2021 chị đã làm đơn ly hôn nhưng được sự động viên của mọi người và anh Q hứa sẽ sửa đổi nên chị đã rút đơn. Đến nay, cuộc sống vợ chồng vẫn căng thẳng chị xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q .

Về phần con cái: Vợ chồng có 03 con chung cháu đầu là: N G M (nữ) sinh ngày 19/4/2014; cháu thứ 2 là N N M (nữ) sinh ngày 31/3/2017; cháu thứ 3 là N Á D (nữ) sinh ngày 29/11/2018. Nguyên vọng của chị xin được nuôi cháu M , còn cháu M và cháu D để cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay chị làm công nhận tại công ty may Loading tại khu công nghiệp B mức thu nhập bình quân là 7.000.000đ (bảy triệu đồng)/ tháng. Anh Q làm lái xe (lái xe tư nhân), hiện anh Q làm việc vào buổi tối với mức thu nhập 10.000.000đ/tháng. Vì vậy, ban ngày anh Q có thời gian đưa đón con đi học. Về nhà ở căn nhà của vợ chồng ly hôn chị để lại cho anh Q ở để nuôi hai cháu, còn chị sau ly hôn chị sẽ vào Tp Đ để ở cùng với ông bà ngoại.

Về tài sản: chị H không đề nghị Tòa án giải quyết .

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q đến làm việc, nhưng anh Q không đến nên Tòa án không lấy được lời khai của anh Q. Đây là lần thứ hai vắng mặt anh N V Q tại phiên tòa căn cứ vào điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Q.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn anh Q , xin được nuôi cháu N N M, còn cháu N G M và cháu N Á D đề nghị Tòa án giao cho anh N V Q nuôi dưỡng . Theo chị H trình bày trước khi đến Tòa chị đã bàn với anh Q để chị nuôi cháu thứ 2 là N N M vì cháu tính cách bướng bỉnh, năm nay cháu bước vào lớp 1 nên chị muốn nuôi cháu, anh Q nuôi cháu đầu và cháu thứ 3 vì hai cháu ngoan ngoãn hơn có thể ở với bố khi vắng mẹ. Về căn nhà chung của vợ chồng chị đã thống nhất để lại cho bố con ở, chị không phải đóng góp nuôi con chung với anh Q, khi chị bàn như vậy thì anh Q đã nhất trí nhưng anh Q cố tình không đến Tòa để giải quyết. Về tài sản chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã B phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T T H để xử cho chị T T H được ly hôn anh N V Q. Về phần con cái: Đề nghị giao cháu đầu và cháu thứ 2 là các cháu N G M (nữ) sinh ngày 19/4/2014; cháu thứ 2 là N N M (nữ) sinh ngày 31/3/2017 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu thứ 3 là N A D (nữ) sinh ngày 29/11/2018 đề nghị giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Việc chị T T H có đơn về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” đối với anh N V Q có địa chỉ tại phường Đ, thị xã B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 39 bộ luật Tố tụng Dân sự .

[2] Về nội dung vụ án :

-Về phần hôn nhân: Chị H và anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh T vào năm 2012. Vì vậy, đây là hôn nhân được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo chị H khai do bất đồng về quan điểm sống và việc nuôi dạy con cái, đã có lần vợ chồng xảy ra xô sát đánh cãi nhau. Năm 2021 chị đã làm đơn ly hôn nhưng được gia đình và Tòa án hòa giải nên chị đã rút đơn. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N V Q. Anh Q không có mặt theo giấy triệu tập trong quá trình giải quyết. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện vợ chồng anh Q và chị H mâu thuẫn đã lâu. Trước đây, chị H đi xăm hình, anh Q và chị H giận nhau chị H bỏ đi nhưng sau đó lại về chung sống với nhau. Lần mâu thuẫn này do mâu thuẫn về kinh tế do anh Q làm ăn gặp khó khăn. Mặt khác, do mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng hay cãi cọ xúc phạm nhau. Đến nay chị H cương quyết ly hôn anh Q. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T T H để xử cho chị H được ly hôn với anh Q là phù hợp.

[3]Về phần con cái: Vợ chồng chị H anh Q có 3 con chung là các cháu N G M (nữ) sinh ngày 19/4/2014, cháu N N M (nữ) sinh ngày 31/3/2007; cháu N Á D (nữ) sinh ngày 29/11/2018. Nguyên vọng của chị H xin được nuôi cháu N N M , còn cháu N G M và cháu N Á D để cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Xét thấy, tại phiên tòa chị H cho rằng chị căn cứ vào tính cách cháu M bướng bỉnh hơn năm nay cháu vào lớp một nên chị xin nuôi cháu, còn căn nhà chị để lại cho anh Q nuôi cháu M và cháu D, chị không phải đóng góp nuôi con chung với anh Q. Xét thấy, quá trình giải quyết Tòa án đã cùng với khu phố trưởng đến tại gia đình anh Q yêu cầu anh làm bản khai anh không có quan điểm về việc nuôi con và cũng không lên làm việc. Tuy nhiên, xét thấy hiện căn nhà là tài sản chung của vợ chồng tại khu phố Đ, phường Đ, thị xã B chị H để cho bố con ở cùng với sự giúp đỡ của mẹ anh Q ở cạnh nhà anh Q cũng đảm bảo điều kiện chăm sóc nuôi dạy hai cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu N N M (nữ) sinh ngày 31/3/2007 cho chị T T H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao hai cháu N G M (nữ) sinh ngày 19/4/2014 và cháu N Á D (nữ) sinh ngày 29/11/2018 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, không ai phải đóng góp nuôi con cho ai.

[4]**Về tài sản:** Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] **Về án phí:** Án phí DSST chị T T H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng:** khoản 1 điều 28 và khoản 4 điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 51,56 81;82;83;84 Luật Hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mục 1.1 phần danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T T H . Chị T T H được ly hôn anh N V Q.

Về phần con cái : Giao cháu N N M (nữ) sinh ngày 31/3/2007 cho chị T T H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao hai cháu N G M (nữ) sinh ngày 19/4/2014 và cháu N Á D (nữ) sinh ngày 29/11/2018 cho anh N V Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Các bên đương sự được quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, bên trực tiếp nuôi không được ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp nuôi con chung.

Về phần tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: án phí Dân sự sơ thẩm chị T T H phải nộp tiền án phí là 300.000đ được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị đã nộp tiền tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án Dân sự B theo biên lai thu số 0005351 ngày 06 tháng 3 năm 2023 . Như vậy, chị T T H đã thi hành xong khoản án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T T H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/6/2023). Anh N V Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các Đương sự
- VKSND TX Bim sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS thị xã Bim sơn
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TẠ THỊ HƯƠNG